

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2021/HS - ST

Ngày: 18 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Thanh Tùng;

Ông Trần Văn Kiêm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Thị Lan A**, sinh năm 1996; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị E, sinh năm 1976, hiện đều trú tại Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; là mẹ đơn thân, có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2021 đến ngày 07/4/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". "Có mặt";

2. **Phạm Văn G**, sinh năm 1986; nơi sinh, nơi cư trú: tổ dân phố H, thị trấn I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1962, hiện

đều trú tại: tổ dân phố H, thị trấn I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; vợ là Đỗ Thị M, sinh năm 1991 và 3 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2021 đến ngày 08/4/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hậu. “Có mặt”;

3. Phạm Kim N, sinh năm 1987; nơi sinh, nơi cư trú: xóm O, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị R, sinh năm 1966; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2021 đến ngày 08/4/2021 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. “Có mặt”;

4. **Phạm Văn S**, sinh năm 2000; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm T, xã U, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1972, đều trú tại Xóm T, xã U, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2020 đến ngày 10/5/2021 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lãnh". “Có mặt”.

- *Bị hại*: Anh Trần Đình Y, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn W, Xã Z, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Tuấn Anh; “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 02/2021, qua mạng xã hội Facebook, anh Trần Đình Y kết bạn làm quen, nảy sinh tình cảm yêu đương và biết được Bùi Thị Lan A đang làm mẹ đơn thân nên đã hứa mỗi tháng sẽ chu cấp cho A từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để nuôi con và ăn tiêu. Sáng ngày 28/03/2021, anh Y nhắn tin Zalo hẹn A tối gặp nhau thì A đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD sơn màu xanh nâu, biển kiểm soát 18B2-672.05 đi từ nhà xuống thuê phòng 304 nhà nghỉ "Linh Linh" ở Tổ dân phố J, thị trấn I, huyện Hải Hậu rồi gọi điện cho A. Lúc này, A đang nằm phòng 402 cùng với Phạm Văn S. Đến 21 giờ cùng ngày, A xuống phòng 304 gặp anh Y quan hệ tình dục, sau đó anh Y nằm nghỉ, còn A nói có việc gia đình đi về trước. Trong lúc chờ S đến đón, A nhắn tin cho Y hỏi "sao anh không cho tiền em như đã

hứa" và gọi điện không thấy trả lời. Trên đường về nhà S, A kể cho S nghe đã quan hệ tình dục với anh Y nhưng không được cho tiền và nhờ S nghĩ cách để lấy tiền của Y cho A, S không nói gì. Khi ăn cơm tại nhà S xong, A sử dụng điện thoại di động gọi qua mạng Zalo cho Phạm Kim N kể về mối quan hệ của A với anh Y rồi nhờ N xem có cách nào lấy tiền của anh Y. Sau đó, A bàn với N đưa ra tình huống "đánh ghen". Lúc này, N đang ở cùng Phạm Văn G nên N nói "cái này em bảo anh G nhé" rồi đưa điện thoại cho G nói chuyện với Hương. A nói với G "Anh đi ra kiểu như bồ hay người yêu làm như kiểu đánh ghen ý, ông ý vẫn nằm ở phòng 304", G trả lời "Cái này anh hiểu rồi, ra nhà nghỉ đi". S chờ A quay lại nhà nghỉ "Linh Linh" gặp G, N rồi cả bốn đi thang máy lên phòng 304 gặp Y. Trong thang máy A bàn với S, N, G "làm như đánh ghen ấy", S nói "để em đóng làm bồ con A cho", N bảo S "mày im để thằng G nó làm", G đồng ý và nói "để tôi vào nói chuyện cho". Khi đến, G gõ cửa, còn N, A, S đứng phía sau. Thấy tiếng gõ cửa, anh Y ra mở thì lúc này G chỉ tay vào mặt quát "mày vừa ngủ với con này đúng không, tại sao mày ngủ với bồ tao, bây giờ mày định giải quyết như thế nào?"; đồng thời G quay sang chỉ tay vào mặt A quát "con này vào trong ngồi" và tiếp tục quát A và Y "chúng mày ngủ với nhau bao nhiêu lần rồi, mỗi lần bao nhiêu tiền ". Y nói "đây là lần đầu tiên ", G nói " Mày định giải quyết như thế nào, trả tiền cho nó bao nhiêu?"; anh Y trả lời "Ba triệu". G quát "ba cái ba triệu". Y nói "từ lúc quen nhau em đã chuyển cho nó khoảng 5.000.000 đồng rồi". G nói "thế hôm nay mày ngủ với nó đã trả tiền chưa?". Trong lúc G dùng lời nói đe dọa anh Y thì N cầm điện thoại trên tay giả vờ quay lại hình ảnh rồi dọa "tao quay lại rồi nhé". Anh Y nói "em chỉ mang theo mấy trăm để trả nhà nghỉ thôi, tài khoản của em cũng không còn, hay các anh cầm tạm mấy trăm, sáng mai em chuyển khoản nốt". Nghe Y nói vậy, G đứng dậy tay trái cầm chùm chìa khóa hướng về phía cổ của Y quát "tao không cần biết bao giờ mày chuyển nếu từ giờ đến sáng mai không nhận được tiền thì mày đừng có hòng rời khỏi nhà nghỉ này". Anh Y sợ và xin "anh cho em gọi điện nhờ chuyển khoản"; G cầm chùm chìa khóa chỉ về phía anh Y tiếp tục đe dọa "tao không cần biết, tao cho mày nửa tiếng, nếu nửa tiếng nữa tao quay lại mà chưa có thì đừng có trách, tao không nói nhiều đâu". Sau đó, G chỉ tay sang A quát "con kia ngồi im đấy, tỳ tao nói chuyện với mày sau" rồi cùng N, S bỏ ra ngoài. S ra hành lang nhà nghỉ ngồi chờ, còn G và N đi về nhà. Thấy các đối tượng bỏ đi, anh Y vào trong nhà vệ sinh gọi điện thoại cho Cảnh sát 113 Công an tỉnh Nam Định để cầu cứu nhưng không được. Do sợ nếu không có tiền đưa cho G, S, N sẽ bị đánh đập, gửi video ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nên anh Y bàn với A cầm cố chiếc xe mô tô của mình thì A đồng ý. Sau đó, A nhắn tin cho N có nội dung: "thằng kia bảo quen ai cầm xe không, nó bảo cầm xe để đưa tiền cho em". N gọi điện thoại cho G nói "bạn con A muốn cầm xe anh xem có chỗ nào không giúp em với". G gọi điện cho Phạm Tuấn Anh là quản lý hiệu cầm đồ "An Phú Khang" ở Tổ dân phố số 5, thị trấn I hỏi và thỏa thuận cầm cố chiếc xe

mô tô trên với giá 15.000.000đ. Sau đó, S điều khiển chiếc xe mô tô của Y và chở Y đến quán cầm đồ An Phú Khang làm thủ tục cầm cố tài sản. G hẹn gặp Tuấn Anh lấy 15.000.000đ rồi cùng N đến nhà nghỉ "Linh Linh" đưa số tiền trên cho A. Sáng ngày 29/3/2021 anh Trần Đình Y đến Cơ quan Công an thị trấn I, huyện Hải Hậu và khai rõ nội dung vụ việc. Còn Bùi Thị Lan A biết sự việc bị phát hiện nên đã đưa số tiền 15.000.000đ cho Doanh trả lại Tuấn Anh. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 42/CT - VKSHH ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố: Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Lan A; khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S; khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Kim N. Tuyên bố bị các cáo: Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N, Phạm Văn S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lan A từ 21 đến 24 tháng tù; bị cáo Phạm Văn G, Phạm Kim N từ 18 đến 21 tháng tù; bị cáo Phạm Văn S từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 đến 36 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Các bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của mình và đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị

hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/3/2021, tại nhà nghỉ Linh Linh thuộc Tổ dân phố J, thị trấn I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, Bùi Thị Lan A đã bàn với Phạm Văn G, Phạm Kim N, Phạm Văn S tạo ra tình huống đánh ghen và đã đe dọa, uy hiếp anh Trần Đình Y phải đưa tiền, làm cho anh Y lo sợ đã mang chiếc xe mô tô BKS18B2-672.05 cầm cố lấy 15.000.000đ đưa cho A. Vì vậy hành vi của các bị cáo Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, có thể chất, tinh thần bình thường, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng bản thân lại không chịu lao động làm ra của cải mà lại đi cưỡng đoạt tài sản của người khác để lấy tiền. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị Lan A là người khởi xướng, lên kế hoạch, bàn bạc thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò số 1, bị cáo Phạm Văn G và bị cáo Phạm Kim N là người cùng bị cáo A bàn bạc và trực tiếp tích cực thực hiện hành vi phạm tội, đe dọa, uy hiếp bị hại tích cực giúp sức cho bị cáo A nên giữ vai trò thứ 2, bị cáo Phạm Văn S mặc dù là người không trực tiếp đe dọa bị hại nhưng cùng đi và có mặt giúp sức cho các bị cáo khác nên cũng phạm tội và giữ vai trò sau cùng.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị Lan A còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo S là lao động chính gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên. Xét cần thiết phải cách ly các bị cáo A, G, N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp. Bị cáo S có vai trò sau cùng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính, bố mẹ già yếu cần có người chăm sóc, do vậy thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách phù hợp là có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có công việc thu nhập ổn định, bị cáo A đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Đình Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét, điều chỉnh.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô Honda LEAD sơn màu xanh nâu, biển kiểm soát 18B2-672.05 cùng giấy đăng ký xe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu xanh của anh Trần Đình Y; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS vỏ màu đen cùng số tiền 15.000.000đ của anh Phạm Tuấn Anh. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của anh Trần Đình Y và anh Phạm Tuấn Anh nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hậu đã trả lại cho anh Hải, anh Tuấn Anh là phù hợp pháp luật.

Đối với 04 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS vỏ màu đen thu của Phạm Kim N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART vỏ màu xanh thu của Phạm Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 vỏ màu đen thu của Bùi Thị Lan A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 vỏ màu hồng thu của Phạm Văn S là các công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 giấy mua bán xe và 04 sim điện thoại không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với hành vi của anh Phạm Tuấn Anh cho anh Trần Đình Y cầm cố xe biển kiểm soát 18B2-672.05 là ngay thẳng, đôi bên tự nguyện, nên không có căn cứ xử lý hình sự. Tuy nhiên, anh Phạm Tuấn Anh cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác (đăng ký xe mang tên Phạm Thị Hồng AB vợ anh Y) mà không có giấy ủy quyền hợp lệ là vi phạm pháp luật hành chính nên Công an huyện Hải Hậu xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí: Các bị cáo Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Lan A.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Kim N.

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lan A 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án (bị cáo được trừ đi 09 ngày bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 30/3/2021 đến ngày 07/4/2021).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Kim N 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã U, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Phạm Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Bảo lãnh" đối với bị cáo Phạm Văn S.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 04 chiếc điện thoại di động bao gồm: 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART vỏ màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu hồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy mua bán xe mang tên Trần Đình Y và Phạm Tuấn Anh và 4 chiếc sim điện thoại.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 05/THA ngày 17/06/2021 giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. **Án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. **Quyền kháng cáo:** Các bị cáo Bùi Thị Lan A, Phạm Văn G, Phạm Kim N và Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trần Đình Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã U;
- UBND xã P;
- UBND xã C;
- UBND thị trấn I;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**